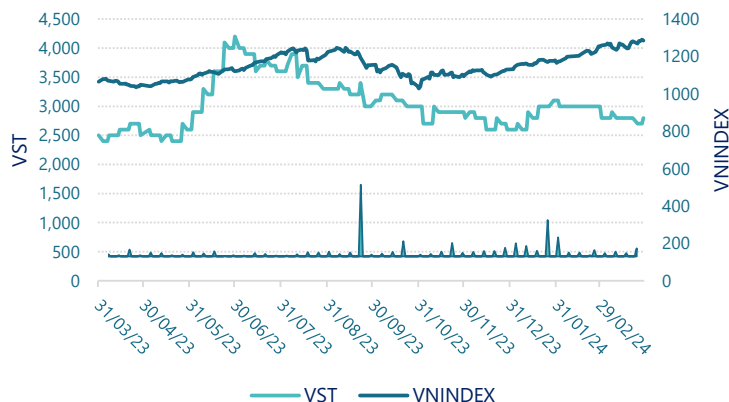


CTCP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (UPCOM: VST)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	2,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,400
SL cổ phiếu LH	66,999,337
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,610
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	188
P/E	0.3
EPS	9,656

DT thuần

Q1/24

111

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.00 | 1.6%

YoY: ▲ 11.0 | 10.7%

LN sau thuế

Q1/24

89.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 33.1 | 58.9%

YoY: ▲ 89.2 | 59439%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

138%

+/- YoY: ▲ 102%

DT thuần

2023

438

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 340 | -43.7%

LN sau thuế

2023

558

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 343 | 160%

ROE

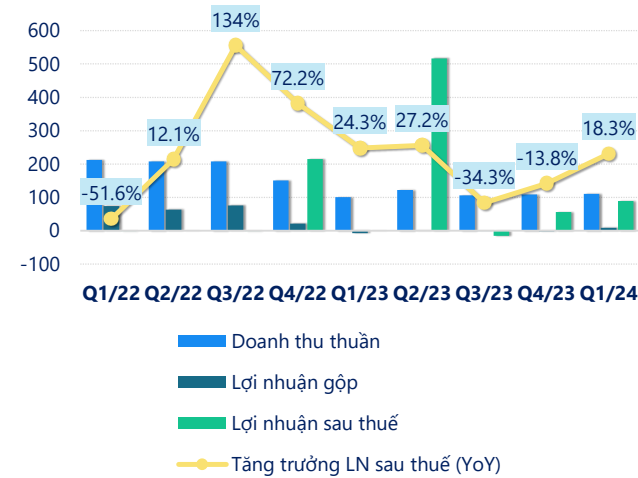
2023

-46.3%

+/- YoY: ▼ 33.0%

tỷ VNĐ

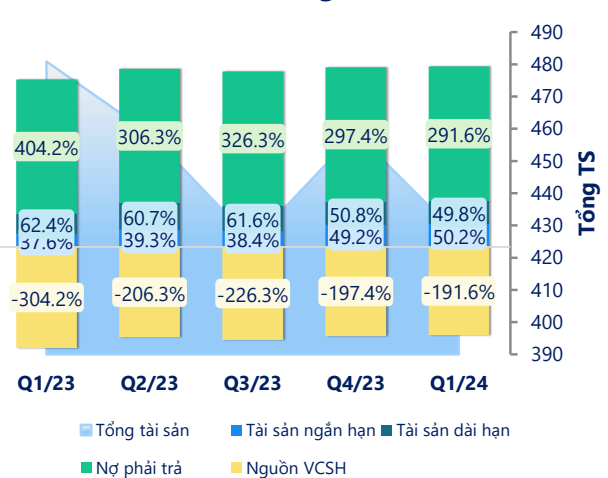
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

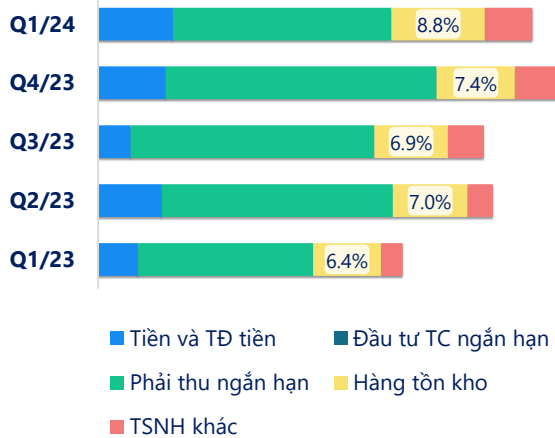
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



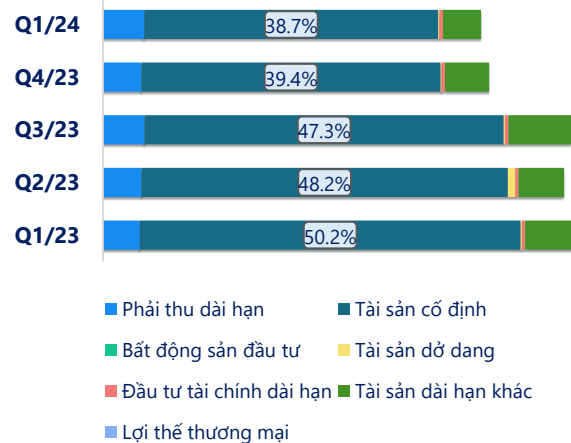
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

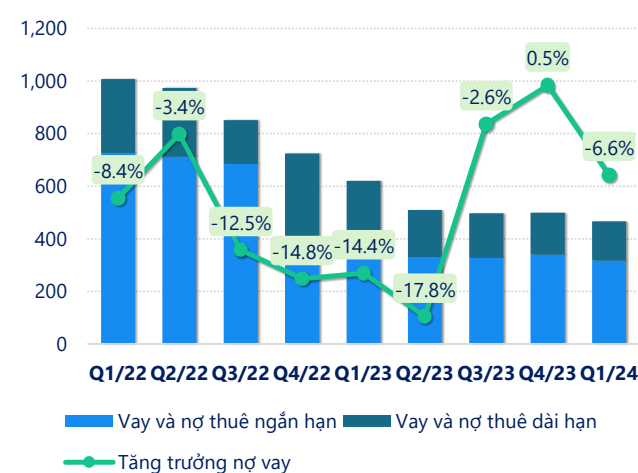
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

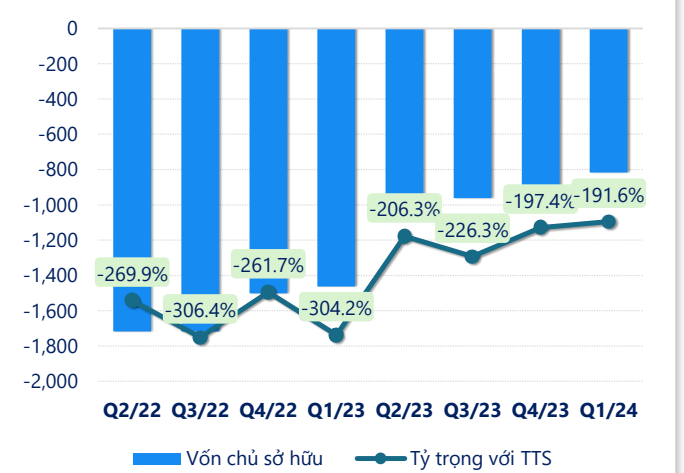
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

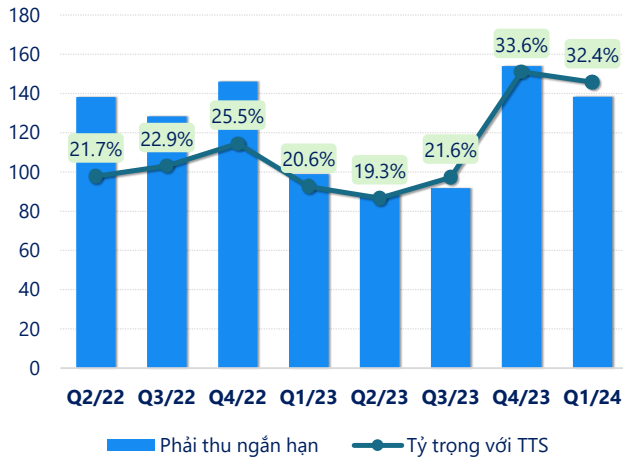
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



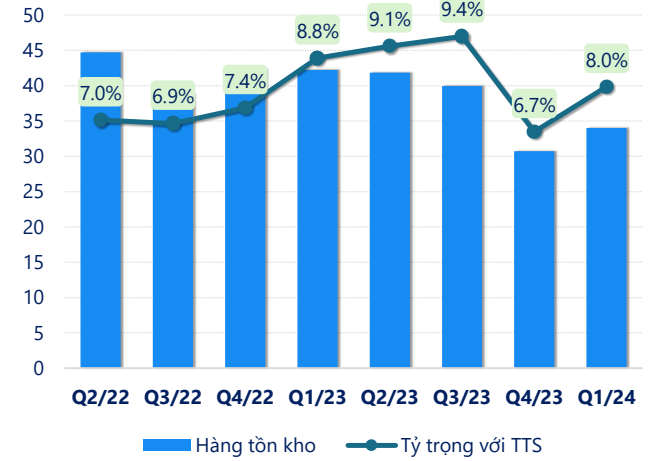
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


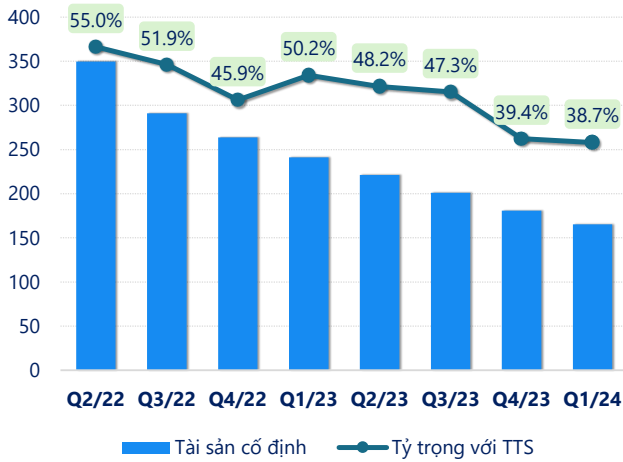
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


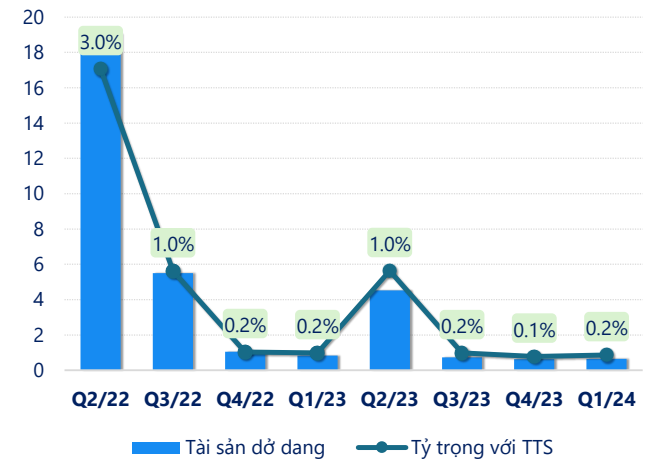
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

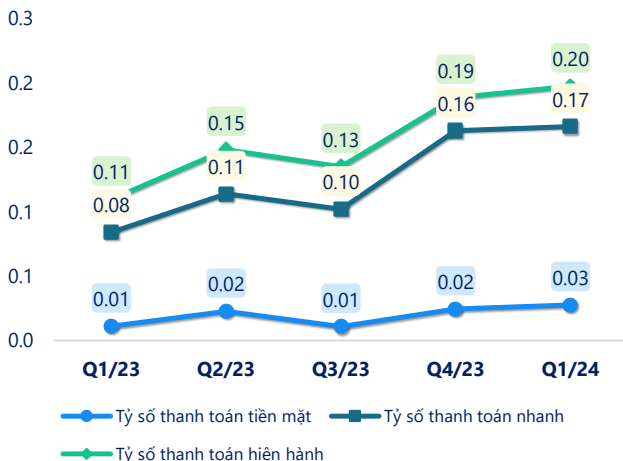
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

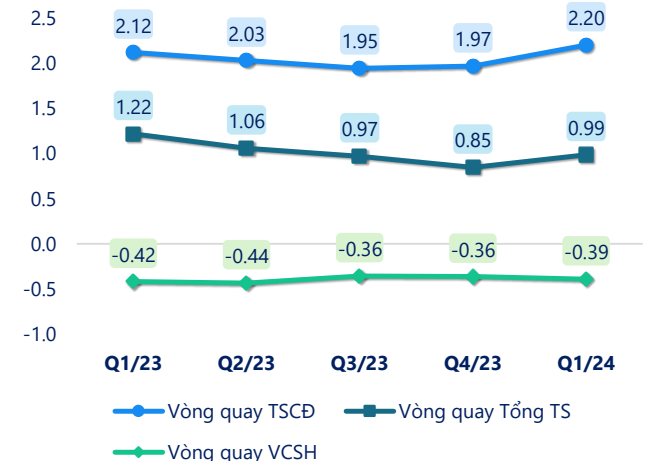
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	481	459	425	459	427
Tài sản ngắn hạn	181	180	163	226	214
Tiền và tương đương tiền	18.1	27.5	13.0	29.3	30.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	98.9	88.3	91.8	154	138
Hàng tồn kho	42.2	41.8	39.9	30.7	34.0
Tài sản ngắn hạn khác	21.5	22.6	18.2	11.5	12.1
Tài sản dài hạn	300	278	262	233	212
Phải thu dài hạn	23.2	23.2	23.2	23.2	23.2
Tài sản cố định	241	221	201	181	165
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.82	4.52	0.73	0.63	0.64
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00
Tài sản dài hạn khác	32.9	27.4	35.1	26.7	21.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,944	1,404	1,387	1,365	1,244
Nợ ngắn hạn	1,649	1,216	1,209	1,196	1,086
Vay và nợ thuê ngắn hạn	335	330	327	339	316
Phải trả người bán ngắn hạn	22.3	25.1	21.9	12.5	9.52
Nợ dài hạn	294	188	178	168	158
Vay và nợ thuê dài hạn	286	180	170	160	150
Nguồn vốn chủ sở hữu	-1,463	-946	-962	-906	-818
Vốn chủ sở hữu	-1,463	-946	-962	-906	-818
Vốn điều lệ	670	670	670	670	670
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)